Sao y; QH-HĐND tỉnh Hà Tĩnh;
24/07/2023 7:25:14

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 123/NQ-HĐND	*Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 340/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế Ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

1. Nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024:

a) Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội;

d) Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 68/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 và Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công;

e) Đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công;

g) Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi luỹ kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024;

h) Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

2. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2024 dự kiến 5.048,067 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách địa phương 2.982,934 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách Trung ương 2.065,133 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01).

3. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024

a) Nguồn ngân sách Trung ương: 2.065,133 tỷ đồng. Phân bổ như sau: Vốn đầu tư các danh mục, nhiệm vụ dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 1.141,49 tỷ đồng, vốn nước ngoài (ODA) và đối ứng ODA là 556,533 tỷ đồng, các Chương trình mục tiêu quốc gia là 367,11 tỷ đồng;

(Chi tiết theo Phụ lục số 02, 03, 04, 05).

b) Nguồn ngân sách địa phương: 2.982,934 tỷ đồng. Phân bổ như sau: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 1.600 tỷ đồng; bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài 69 tỷ đồng; vốn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung 1.086,334 tỷ đồng; đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 14 tỷ đồng; bội chi ngân sách địa phương 213,6 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 06, 07, 08, 09).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; kịp thời chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới; đảm bảo điều kiện giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 theo đúng quy định.

Chỉ đạo các cơ quan liên quan, theo dõi sát tình hình thu, chi ngân sách năm 2023 và dự kiến số thu, chi ngân sách năm 2024, tổng hợp đầy đủ các nguồn vốn đưa vào cân đối ngay trong kế hoạch đầu tư công năm 2024, nhất là nguồn thu tiền sử dụng đất. Đồng thời rà soát, cắt giảm một số nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp thiết để bổ sung chi đầu tư.

Kịp thời xử lý những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn liên quan đến triển khai, giải ngân vốn đầu tư công năm 2023; linh hoạt điều chuyển vốn đầu tư công từ các dự án, nhiệm vụ chi giải ngân thấp, không có khả năng giải ngân sang dự án, nhiệm vụ chi giải ngân tốt, có khối lượng hoàn thành; giữa các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh năm 2023; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giao vốn, điều chuyển vốn năm 2023 tại Kỳ họp cuối năm 2023.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- TTr Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, HĐ$_1$.

CHỦ TỊCH

Hoàng Trung Dũng

Tỉnh Hà

Phụ lục 01: ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệ

STT	Nguồn vốn	Năm 2023				Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi
		Kế hoạch	Ước giải ngân 6 tháng đầu năm	Ước giải ngân 9 tháng đầu năm	Ước giải ngân năm 2023		
	TỔNG SỐ	**6.193.324**	**2.169.789**	**4.647.493**	**5.965.042**	**5.048.067**	
1	**Vốn NSNN**	**6.183.324**	**2.159.789**	**4.637.493**	**5.955.042**	**5.048.067**	
a)	**Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương**	**2.694.091**	**1.234.673**	**2.020.568**	**2.694.091**	**2.982.934**	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	626.491	138.534	469.868	626.491	1.155.334	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.800.000	1.061.206	1.350.000	1.800.000	1.600.000	
-	Xổ số kiến thiết	10.000	-	7.500	10.000	14.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	257.600	34.933	193.200	257.600	213.600	
b)	**Vốn ngân sách trung ương**	**3.489.233**	**925.116**	**2.616.925**	**3.260.951**	**2.065.133**	
-	Vốn trong nước	2.912.630	884.564	2.184.473	2.748.415	1.528.600	
	Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	*810.000*		*247.524*	*505.400*		
-	Vốn nước ngoài	576.603	40.552	432.452	512.536	536.533	

Nguồn vốn	Năm 2023				Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	Kế hoạch	Ước giải ngân 6 tháng đầu năm	Ước giải ngân 9 tháng đầu năm	Ước giải ngân năm 2023		
n từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan à nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để u tư theo quy định của pháp luật	**10.000**	**10.000**	**10.000**	**10.000**	-	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 02: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệ

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Gh
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	
	TỔNG SỐ		**13.882.483**	**11.724.281**	**1.120.075**	**1.070.075**	**7.128.639**	**6.786.827**	**8.623.407**	**4.210.707**	**6.652.557**	**4.210.706**	**1.921.748**	**1.141.490**	-	
I	**GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		**170.000**	**137.700**	**20.000**	**20.000**	**36.070**	**35.000**	**137.700**	-	**35.000**	-	**74.500**	**60.000**	-	
a	**Danh mục dự án khởi công mới năm 2024**															
1	Đầu tư xây dựng Trường nghề chất lượng cao, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	90.000	72.700	-	-	570	-	72.700		-		30.000	30.000		
b	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024**															
1	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	1078; 25/5/2022	80.000	65.000	20.000	20.000	35.500	35.000	65.000		35.000		44.500	30.000		
II	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**		**230.000**	**175.000**	**41.698**	**41.698**	**87.678**	**86.406**	**175.000**	-	**86.406**	-	**134.742**	**85.302**	-	
a	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024**															
1	Dự án Trung tâm Sản nhi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	1008; 13/5/2022	170.000	120.000	26.698	26.698	57.258	56.698	120.000		56.698		112.742	63.302		
2	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	572; 14/3/2022	60.000	55.000	15.000	15.000	30.420	29.708	55.000		29.708		22.000	22.000		
III	**VĂN HÓA**		**170.959**	**66.996**	**9.000**	**9.000**	**89.758**	**66.996**	**30.000**	-	**30.000**	-	-	-	-	
a	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**															

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi chú
	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	
Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	3161/QĐ-UBND; 31/10/2017, 2798; QĐ-UBND; 05/8/2021	170.959	66.996	9.000	9.000	89.758	66.996	30.000		30.000					
NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		**1.036.548**	**750.000**	**75.000**	**75.000**	**176.355**	**165.000**	**690.000**	-	**105.000**	-	**375.000**	**275.000**	-	
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024															
Xử lý cấp bách đê tả Nghèn, huyện Lộc Hà	3235; 24/9/2021	182.290	120.000	25.000	25.000	117.355	115.000	60.000		55.000		5.000	5.000		
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
Dự án âu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2	2748; 30/12/2022	120.000	70.000	50.000	50.000	52.000	50.000	70.000		50.000		20.000	20.000		
Danh mục dự án khởi công mới năm 2024															
Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	16/NQ-HĐND; 17/7/2021	484.258	360.000	-	-	3.000	-	360.000		-		200.000	150.000		
Dự án Hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc và Thị xã Hồng Lĩnh	16/NQ-HĐND; 17/7/2021	250.000	200.000			4.000		200.000		-		150.000	100.000		
KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		**7.866.263**	**7.641.543**	**162.000**	**162.000**	**4.580.459**	**4.561.371**	**4.740.707**	**4.210.707**	**4.549.097**	**4.210.706**	**312.530**	**163.700**	-	
Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023															
Bồi thường GPMB, tái định cư DA Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương, Hà Tĩnh	2925/QĐ-UBND, 20/10/2008; 683/ QĐ-UBND, 10/3/2013	7.096.543	7.096.543			4.207.706	4.207.707	4.210.707	4.210.707	4.210.706	4.210.706				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	
b	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024**															
1	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên	2809; 05/8/2021	80.000	65.000	25.000	25.000	66.300	50.491	65.000		50.491		13.700	13.700		
c	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**															
1	Dự án Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng	756; 12/4/2022	450.520	295.000	95.000	95.000	171.560	170.000	295.000		170.000		255.000	125.000		
2	Hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp Thạch Bằng, huyện Lộc Hà	3560; 27/10/2021	84.200	65.000	22.000	22.000	65.370	65.000	65.000		65.000		18.830			
3	Dự án Đường nối Quốc lộ 8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - Quốc lộ 15A, huyện Đức Thọ	952; 09/5/2022	85.000	70.000	20.000	20.000	38.850	37.500	70.000		37.500		25.000	25.000		
VI	**GIAO THÔNG**		**2.594.716**	**1.645.000**	**629.377**	**579.377**	**1.301.855**	**1.221.982**	**1.630.000**	-	**1.201.982**	-	**608.454**	**347.560**	-	
a	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**															
1	Đường vào các xã Hà Linh, Hương Thủy, Hương Giang, Lộc Yên, Hương Đô và Phúc Trạch, huyện Hương Khê (đoạn K15+642,72 đến K25+252,86)	2941/QĐ-UBND, 19/10/2016; 2304/ QĐ-UBND, 31/7/2020, 2798; QĐ-UBND; 05/8/2021	100.725	80.000	5.000	5.000	98.823	85.000	65.000		65.000					
b	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024**															
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Lộc Yên - Đường Hồ Chí Minh (đoạn từ Km39+030 - Km47+830)	2926; 17/8/2021	266.000	200.000	60.000	60.000	162.610	160.000	200.000		160.000		40.000	40.000		
2	Dự án cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đường Quang Trung đoạn từ đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ và bổ sung 01 đơn nguyên cầu Hộ Độ	2781; 03/8/2021	157.000	110.000	4.377	4.377	112.600	110.000	110.000		110.000					

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi chú
	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
Dự án nâng cấp, mở rộng đường nối Quốc lộ 1 tại ngã ba Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549	3243; 24/9/2021	90.000	75.000	30.000	30.000	76.600	75.000	75.000		75.000		4.000			
Dự án Đường thị trấn Nghèn - Đồng Lộc, huyện Can Lộc	2937; 18/8/2021	185.000	120.000	30.000	30.000	121.600	120.000	120.000		120.000		63.400			
Đường giao thông liên xã An Hòa Thịnh - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	919; 04/5/2022	140.000	80.000	47.000	47.000	63.400	62.000	80.000		62.000		18.000	18.000		
Đường vành đai thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Tiên Sơn)	107; 13/01/2022	150.000	100.000	63.000	63.000	88.540	88.000	100.000		88.000		61.460	12.000		
Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh	956; 09/5/2022	950.000	450.000	300.000	250.000	409.330	357.440	450.000		357.440		192.560	92.560		
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cẩm Thạch - Thạch Hội, huyện Cẩm Xuyên	344; 07/02/2022	124.991	100.000	25.000	25.000	54.761	53.801	100.000		53.801		59.034	35.000		
Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	903; 04/5/2022	185.000	140.000	45.000	45.000	71.200	70.000	140.000		70.000		70.000	70.000		
Dự án Đường từ Thị trấn Đức Thọ đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	684; 31/3/2022	82.000	70.000	20.000	20.000	40.950	40.000	70.000		40.000		20.000	20.000		
Dự án khởi công mới năm 2024															
Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	731; 07/4/2022	164.000	120.000			1.441	741	120.000		741		80.000	60.000		
DU LỊCH		**376.592**	**308.042**	**63.000**	**63.000**	**172.213**	**165.072**	**220.000**	-	**160.072**	-	**186.522**	**59.928**	-	
Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024															
Dự án Xây dựng hạ tầng khu du lịch Nam Thiên Cẩm huyện Cẩm Xuyên	857; 26/4/2022	176.042	176.042	25.000	25.000	70.670	65.072	90.000		65.072		105.372	24.928		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*		Tổng số	*Trong đó: Thu hồi ứng trước*	
2	Hạ tầng khu du lịch biển huyện Lộc Hà	2046; 20/7/2017, 2605; 15/7/2021	62.000	42.000	3.000	3.000	46.143	45.000	40.000		40.000					
b	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024**															
1	Hạ tầng khu du lịch biển Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	827; 21/4/2022	138.550	90.000	35.000	35.000	55.400	55.000	90.000		55.000		81.150	35.000		
VIII	**DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, DỰ ÁN CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG, ĐƯỜNG VEN BIỂN**		**1.437.405**	**1.000.000**	**120.000**	**120.000**	**684.250**	**485.000**	**1.000.000**	**-**	**485.000**	**-**	**230.000**	**150.000**	**-**	
a	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**															
1	Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	755; 12/4/2022	1.437.405	1.000.000	120.000	120.000	684.250	485.000	1.000.000		485.000		230.000	150.000		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 03: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch năm 2024		Ghi chú
	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				Tổng số		Đã giao KHV				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	*Trong đó: Chuẩn bị đầu tư*	Tổng số	*Trong đó: Chuẩn bị đầu tư*	Tổng số	*Trong đó: Chuẩn bị đầu tư*	
TỔNG SỐ		**1.019.190**	**810.000**	**810.000**	**810.000**	**505.400**	**505.400**	**813.000**	**810.000**	**810.000**	-	**810.000**		-	-	
GÀNH GIAO THÔNG		**668.826**	**500.000**	**500.000**	**500.000**	**300.000**	**300.000**	**501.000**	**500.000**	**500.000**	-	**500.000**	-	-	-	
ự án Đường từ Quốc lộ 12C đi khu liên hợp ang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh	2391; 23/11/2022	668.826	500.000	500.000	500.000	300.000	300.000	501.000	500.000	500.000		500.000	-	-		
HÒNG, CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG BỜ IỂN, ĐẢM BẢO AN TOÀN HỒ CHỨA, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI		**85.864**	**80.000**	**80.000**	**80.000**	**80.000**	**80.000**	**80.500**	**80.000**	**80.000**	-	**80.000**	-	-		
è bảo vệ bờ sông Ngàn sâu đoạn qua xã lòa Lạc, huyện Đức Thọ	74/NQ-HĐND ngày 23/6/2022	85.864	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.500	80.000	80.000		80.000	-			
ÀU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ Ự PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ		**264.500**	**230.000**	**230.000**	**230.000**	**125.400**	**125.400**	**231.500**	**230.000**	**230.000**	-	**230.000**	-	-	-	
ự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và ua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa hoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh	87/NQ-HĐND ngày 25/8/2022	193.000	169.000	169.000	169.000	70.500	70.500	170.000	169.000	169.000		169.000				
ự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 19 rạm y tế tuyến xã, tỉnh Hà Tĩnh	87/NQ-HĐND ngày 25/8/2022	71.500	61.000	61.000	61.000	54.900	54.900	61.500	61.000	61.000		61.000				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 04: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệu đ

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Năm 2023			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024			Ghi c
		Số quyết định	TMĐT			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2023 từ 1/1/2023 đến 31/12/2023			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021-2023						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
	TỔNG SỐ		**5.400.131**	**1.152.852**	**4.247.270**	**542.536**	**30.000**	**512.536**	**3.034.600**	**155.000**	**2.879.600**	**1.424.524**	**105.000**	**1.319.524**	**556.533**	**20.000**	**536.533**	
A	**VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**		**5.400.131**	**1.152.852**	**4.247.270**	**542.536**	**30.000**	**512.536**	**3.034.600**	**155.000**	**2.879.600**	**1.424.524**	**105.000**	**1.319.524**	**556.533**	**20.000**	**536.533**	
I	**ĐÔ THỊ**		**2.800.271**	**590.616**	**2.209.647**	**340.000**	**-**	**340.000**	**1.586.615**	**-**	**1.586.615**	**535.727**	**-**	**535.727**	**475.000**	**-**	**475.000**	
1	***Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024***																	
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.070	956.040	100.000		100.000	573.624	-	573.624	285.727	-	285.727	120.000		120.000	
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	673.850	150.000	-	150.000	544.133		544.133	155.000	-	155.000	180.000		180.000	
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2749/QĐ-UBND ngày24/8/2020	709 255	129.499	579.757	90.000	-	90.000	468.858		468.858	95.000	-	95.000	175.000		175.000	
II	**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**		**181.254**	**28.145**	**153.109**	**30.000**	**-**	**30.000**	**121.127**	**-**	**121.127**	**107.060**	**-**	**107.060**	**-**	**-**	**-**	
1	***Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024***																	
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145	153.109	30.000	-	30.000	121.127		121.127	107.060	-	107.060				

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Năm 2023			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
	Số quyết định	TMĐT			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2023 từ 1/1/2023 đến 31/12/2023			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021-2023			Tổng số	Trong đó:		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW	Trong đó: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW	Trong đó: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
ÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		**963.595**	**133.413**	**830.181**	**75.307**	**-**	**75.307**	**691.777**	**-**	**691.777**	**258.189**	**-**	**258.189**	**-**	**-**	**-**	
ic dự án hoàn thành, bàn giao, đưa o sử dụng đến ngày 31/12/2023																	
r án thành phần Sửa chữa và nâng cao toàn đập, tỉnh Hà tĩnh (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	458.875	30.307		30.307	356.748	-	356.748	137.189	-	137.189				
r án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp tăng cường tính chống chịu vùng ven ển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	371.306	45.000		45.000	335.029		335.029	121.000	-	121.000				
GIAO THÔNG		**1.378.583**	**391.011**	**987.571**	**80.000**	**30.000**	**50.000**	**568.319**	**155.000**	**413.319**	**506.319**	**105.000**	**401.319**	**32.000**	**20.000**	**12.000**	
ic dự án dự kiến hoàn thành năm 024																	
ự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển àn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án IIG2	562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366 QĐ-UBND 19/5/2017; 112/NQ-HĐND ngày 06/6/2023	1.378.583	391.011	987.571	80.000	30.000	50.000	568.319	155.000	413.319	506.319	105.000	401.319	32.000	20.000	12.000	
Y TẾ		**76.429**	**9.667**	**66.762**	**17.229**	**-**	**17.229**	**66.762**	**-**	**66.762**	**17.229**	**-**	**17.229**	**49.533**	**-**	**49.533**	
ự án dự kiến hoàn thành năm 2024																	
ự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh ện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà ĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ àn Quốc	762/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	76.429	9.667	66.762	17.229	-	17.229	66.762		66.762	17.229	-	17.229	49.533		49.533	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 05: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năm 2023						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024			Ghi chú
		Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023											
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021-2023	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			NSTW	Đối ứng NSĐP theo quy định		NSTW	Đối ứng NSĐP theo quy định		NSTW	Đối ứng NSĐP theo quy định				Tổng số	*Trong đó:* Thu hồi các khoản vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ	**695.425**	**415.915**	**279.510**	**695.425**	**415.915**	**279.510**	**1.277.607**	**717.056**	**560.551**	**914.084**	**492.924**	**934.110**	**367.110**	-	
I	**Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**	**593.953**	**321.953**	**272.000**	**593.953**	**321.953**	**272.000**	**1.130.513**	**580.513**	**550.000**	**867.525**	**473.380**	**815.000**	**265.000**	-	
a	Chi đầu tư	316.280	266.280	50.000	316.280	266.280	50.000	579.380	473.380	106.000	867.525	473.380	500.000	200.000		
b	Chi thường xuyên	277.673	55.673	222.000	277.673	55.673	222.000	551.133	107.133	444.000			315.000	65.000		
II	**Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**	**86.269**	**78.759**	**7.510**	**86.269**	**78.759**	**7.510**	**123.219**	**112.668**	**10.551**	**12.007**	**4.697**	**102.310**	**85.310**	-	
a	Chi đầu tư	3.656	3.656		3.656	3.656		4.697	4.697		12.007	4.697	22.310	5.310		
b	Chi thường xuyên	82.613	75.103	7.510	82.613	75.103	7.510	118.522	107.971	10.551			80.000	80.000		
III	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**15.203**	**15.203**	-	**15.203**	**15.203**	-	**23.875**	**23.875**	-	**34.552**	**14.847**	**16.800**	**16.800**	-	
a	Chi đầu tư	8.594	8.594		8.594	8.594		14.847	14.847		34.552	14.847	9.800	9.800		
b	Chi thường xuyên	6.609	6.609		6.609	6.609		9.028	9.028				7.000	7.000		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 06: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	*Trong đó:*				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023		
TỔNG SỐ					**7.667.751**	**1.407.947**	**1.671.000**	**1.800.000**	**1.600.000**	
Phần huyện, xã hưởng					**6.129.385**	**1.329.385**	**1.295.401**	**1.325.415**	**1.217.973**	
Phần tỉnh hưởng					**1.538.366**	**78.562**	**375.599**	**474.585**	**382.027**	
Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất					**100.000**	-	**50.000**	**50.000**	-	
Dự kiến hoàn trả chi phí đầu tư theo đề án phát triển quỹ đất					**256.500**	**16.500**	**38.500**	**31.350**	**60.000**	
Thực hiện hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					**127.062**	**27.062**	**24.099**	**47.458**	**25.000**	
Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					**225.000**	**35.000**	**50.000**	**45.000**	**50.000**	
Đối ứng kinh phí thực hiện các Đề án đầu tư phát triển			**66.892**	**66.892**	**54.804**	-	**12.000**	**30.000**	**12.804**	
Các dự án thực hiện Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2026			66.892	66.892	54.804	-	12.000	30.000	12.804	
Trụ sở làm việc Công an 15 xã, thị trấn tại các huyện Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Nghi Xuân, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh	*7004892*	*87/NQ-HĐND; 25/8/2022; 1316; 08/6/23*	*66.892*	*66.892*	*54.804*	-	*12.000*	*30.000*	*12.804*	
Các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương			**4.324.025**	**1.974.278**	**775.000**	-	**201.000**	**270.777**	**234.223**	
Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	7915943	755; 12/4/2022	1.437.405	437.416	200.000	-	150.000	45.000	5.000	

STT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	*Trong đó:*				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023		
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn Thiên Cầm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh	7952808	268/QĐ-BGTVT; 03/03/2022	1.075.758	226.000	130.000		20.000	60.000	50.000	
3	Dự án xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài		3499; 22/10/2021	386.000	386.000	100.000	-	30.000	65.777	4.223	
4	Đầu tư xây dựng Bảo tàng Hà Tĩnh	7596599	113/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	240.862	240.862	105.000		1.000	-	45.000	
5	Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh		1809; 31/8/2022	234.000	234.000	80.000	-	-	50.000	30.000	
6	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh		956; 09/5/2022	950.000	450.000	160.000	-	-	50.000	100.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 07: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XDCB TẬP TRUNG BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2024	Ghi chú
	Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023		
			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
TỔNG SỐ		**6.261.432**	**1.530.261**	**748.036**	**4.731.170**	**65.000**	**42.500**	**54.000**	**241.000**	**32.000**	**63.000**	**65.000**	**69.000**	
VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC		**6.261.432**	**1.530.261**	**748.036**	**4.731.170**	**65.000**	**42.500**	**54.000**	**241.000**	**32.000**	**63.000**	**65.000**	**69.000**	
ĐÔ THỊ		**2.800.271**	**590.624**	**382.720**	**2.209.647**	**33.000**	**22.000**	**22.000**	**105.000**	**10.000**	**29.500**	**33.000**	**32.500**	
Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024														
Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.079	141.539	956.040	13.000	13.000	13.000	40.000	5.000	11.500	13.000	10.500	
Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	124.633	673.850	11.000			35.000	3.000	10.000	11.000	11.000	
Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2749/QĐ-UBND ngày24/8/2020	709.255	129.499	116.548	579.757	9.000	9.000	9.000	30.000	2.000	8.000	9.000	11.000	
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		**181.254**	**28.145**	**28.145**	**153.109**	**5.000**	**5.000**	**5.000**	**18.000**	**3.000**	**5.500**	**5.000**	**4.500**	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2024	Ghi ch
		Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023		
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
I	***Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023***														
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145	28.145	153.109	5.000	5.000	5.000	18.000	3.000	5.500	5.000	4.500	
III	**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**		**1.631.395**	**467.313**	**171.808**	**1.164.081**	**13.000**	**10.500**	**13.000**	**57.000**	**11.000**	**21.000**	**13.000**	**12.000**	
I	***Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023***														
(1)	Dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã bị ảnh hưởng bởi ngập lụt của tỉnh Hà Tĩnh"	281/QĐ-TTg 01/3/2017; 35/QĐ-TTg 10/01/2018;2223/QĐ-TTg ngày 30/12/2021; 1315/QĐ-UBND 17/5/2017	667.800	333.900	60.102	333.900	6.000	6.000	6.000	25.000	6.000	13.000	6.000		
(2)	Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Hà tĩnh (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	25.425	458.875	500	500	500	7.000	2.500	4.000	500		
(3)	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	86.281	371.306	6.500	4.000	6.500	25.000	2.500	4.000	6.500	12.000	
IV	**GIAO THÔNG**		**1.378.583**	**391.011**	**114.474**	**987.571**	**10.000**	**5.000**	**10.000**	**40.000**	**6.000**	**7.000**	**10.000**	**5.000**	

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2024	Ghi chú
	Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023		
			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024														
Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/ QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	114.474	987.571	10.000	5.000	10.000	40.000	6.000	7.000	10.000	5.000	
Y TẾ		**269.930**	**53.168**	**50.889**	**216.762**	**4.000**	**-**	**4.000**	**21.000**	**2.000**	**-**	**4.000**	**15.000**	
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024														
Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	Số 2209/QĐ-UBND ngày 07/8/2017; điều chỉnh số 726/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh	76.429	9.667	7.388	66.762	4.000		4.000	7.388	-	-	4.000	3.388	
Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019	193.501	43.501	43.501	150.000	-	-	-	13.612	2.000			11.612	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 8: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: Triệu đ

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	*Trong đó:* Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
	TỔNG SỐ		**4.664.713**	**2.962.129**	**2.472.464**	**2.948.546**	**2.768.546**	**263.436**	**490.748**	**561.491**	**1.086.334**	
A	**VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**					**1.344.080**	**1.344.080**	**238.436**	**238.436**	**250.596**	**450.000**	
B	**VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ**		**4.664.713**	**2.962.129**	**2.472.464**	**1.604.466**	**1.424.466**	**25.000**	**252.312**	**310.895**	**636.334**	
B.1	**VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CẤP TỈNH**		**70.270**	**12.000**	**34.332**	**30.000**	**30.000**	**-**	**3.600**	**17.275**	**9.125**	
B.2	**DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**		**3.440.943**	**1.864.629**	**2.259.007**	**726.892**	**626.892**	**24.000**	**210.712**	**153.495**	**165.209**	
I	**QUỐC PHÒNG**		**143.376**	**48.376**	**123.000**	**28.000**	**28.000**	**9.000**	**10.000**	**9.000**	**-**	
a	***Dự án chuyển tiếp***											
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào Đồn 575, Bản Giàng)	790/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 2840/QĐ-UBND ngày 25/9/2018; 1494/QĐ-UBND ngày	143.376	48.376	123.000	28.000	28.000	9.000	10.000	9.000		
II	**AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**		**26.000**	**26.000**	**20.000**	**23.400**	**23.400**	**-**	**10.000**	**10.000**	**3.400**	
a	***Dự án chuyển tiếp***											
1	Trụ sở làm việc Đội Tuần tra kiểm soát giao thông Quốc lộ 8A thuộc phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh	1617; 08/08/2022	26.000	26.000	20.000	23.400	23.400		10.000	10.000	3.400	
III	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**		**93.800**	**78.804**	**-**	**85.000**	**85.000**	**-**	**-**	**-**	**50.000**	

	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	*Trong đó:* Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
	Dự án khởi công mới											
	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	93.800	78.804	-	85.000	85.000		-	-	50.000	
	VĂN HÓA, THÔNG TIN		**14.850**	**14.850**	**13.365**	**13.365**	**13.365**	**-**	**11.891**	**1.474**	**-**	
	Dự án hoàn thành											
	Xây dựng di tích Làng K130 xã Tiến Lộc (nay là thị trấn Nghèn)	3751; 18/11/2021	14.850	14.850	13.365	13.365	13.365		11.891	1.474	-	
	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN		**55.000**	**49.500**	**35.000**	**49.500**	**49.500**	**-**	**10.000**	**25.000**	**14.500**	
	Dự án chuyển tiếp											
	Số hóa, tin học hóa và phát sóng qua vệ tinh (giai đoạn 3)	1465; 19/7/2022	55.000	49.500	35.000	49.500	49.500		10.000	25.000	14.500	
	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI		**124.616**	**92.000**	**38.000**	**82.800**	**82.800**	**-**	**13.000**	**25.000**	**28.300**	
	Dự án chuyển tiếp											
	Xây dựng Trung tâm Hội nghị trực tuyến, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh; nâng cấp sửa chữa Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khuôn viên Trụ sở làm việc Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	89.616	57.000	38.000	51.300	51.300		13.000	25.000	13.300	
	Dự án khởi công mới											
	Trung tâm chính trị huyện Kỳ Anh	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	35.000	35.000	-	31.500	31.500		-	-	15.000	
I	**GIAO THÔNG**		**1.881.780**	**1.031.841**	**1.200.999**	**237.000**	**137.000**	**7.000**	**79.960**	**34.021**	**5.109**	
	Dự án hoàn thành											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	*Trong đó:* Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
1	Nâng cấp tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng	QĐ số 1758/QĐ-UBND ngày 26/6/2017; 606/QĐ-UBND ngày 20/02/2020; 259/QĐ-UBND ngày	1.495.780	645.841	1.100.999	30.000	30.000		13.981	-	5.109	
b	***Dự án chuyển tiếp***											
1	Dự án xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài	3499; 22/10/2021	386.000	386.000	100.000	207.000	107.000	7.000	65.979	34.021	-	
VIII	**KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**		**263.988**	**99.988**	**111.000**	**120.500**	**120.500**	**-**	**47.000**	**49.000**	**13.500**	
a	***Dự án hoàn thành***											
1	Hạ tầng kỹ thuật khu vực cổng A, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện Hương Sơn	3204; 31/10/2017	164.000	-	34.000	30.000	30.000		15.000	4.000	-	
b	***Dự án chuyển tiếp***											
1	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Vũng Áng 1	945; 06/5/2022	41.488	41.488	32.000	37.500	37.500		12.000	20.000	5.500	
2	Xử lý ngập úng tại Khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân	1005; 13/5/2022	58.500	58.500	45.000	53.000	53.000		20.000	25.000	8.000	
IX	**DU LỊCH**		**56.000**	**56.000**	**1.000**	**50.400**	**50.400**	**-**	**-**	**-**	**50.400**	
a	***Dự án khởi công mới***											
1	Quảng trường biển Cửa Sót Lộc Hà	269/NQ-HĐND; 18/3/2021 27/NQ-HĐND; 06/11/2021	56.000	56.000	1.000	50.400	50.400	-	-	-	50.400	

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	*Trong đó:* Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG, CẤP BÁCH, PHỤC VỤ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		**1.153.500**	**1.085.500**	**179.125**	**847.574**	**767.574**	**1.000**	**38.000**	**140.125**	**462.000**	
Dự án chuyển tiếp		**1.033.500**	**965.500**	**179.125**	**754.600**	**674.600**	**1.000**	**38.000**	**140.125**	**402.000**	
Đường huyện lộ ĐH56 đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	955; 09/5/2022	87.000	55.000	47.000	78.500	78.500		32.000	15.000	20.000	
Đường giao thông trục chính nối các xã sát nhập xã Kim Hoa, huyện Hương Sơn	1827; 06/9/2022	82.500	82.500	27.500	55.000	55.000		2.500	25.000	27.500	
Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh	1809; 31/8/2022	234.000	234.000	40.625	200.000	120.000		500	40.125	70.000	
Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	2760/QĐ-UBND; 31/12/2022	100.000	100.000	10.500	75.000	75.000		500	10.000	64.500	
Đường trục dọc Khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh	2762/QĐ-UBND; 31/12/2022	125.000	125.000	10.500	90.000	90.000		500	10.000	50.000	
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH36 (Chợ Đình - Quán Trại), huyện Can Lộc	2763/QĐ-UBND; 31/12/2022	100.000	100.000	10.500	60.000	60.000		500	10.000	45.500	
Cầu Hốp Chuối, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang	2764/QĐ-UBND; 31/12/2022	120.000	84.000	11.500	76.000	76.000	1.000	500	10.000	64.500	
Trung tâm văn hóa truyền thông huyện Kỳ Anh	2753/QĐ-UBND; 30/12/2022	75.000	75.000	10.500	45.100	45.100		500	10.000	20.000	
Đường giao thông Huyện lộ ĐH.116, đoạn Mai Phụ - Ích Hậu, huyện Lộc Hà	762/QĐ-UBND; 04/4/2023	110.000	110.000	10.500	75.000	75.000		500	10.000	40.000	
Dự án khởi công mới		**120.000**	**120.000**	-	**92.974**	**92.974**	-	-	-	**60.000**	

	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	*Trong đó:* Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		
I	Đường LX03 đoạn từ Thiên Cầm đến xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	120.000	120.000	-	92.974	92.974		-	-	60.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục 9: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	*Trong đó:*					
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023	Số còn lại giai đoạn 2024-2025		
TỔNG SỐ		**21.000**	**21.000**	**44.000**	**4.000**	**11.000**	**10.000**	**19.000**	**14.000**	
Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		**21.000**	**21.000**	**19.000**	-	**5.000**	**5.000**	**9.000**	**9.000**	
Dự án chuyển tiếp										
Nhà ký túc xá học sinh, Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Tĩnh	1132; 02/6/2022	21.000	21.000	19.000		5.000	5.000	9.000	9.000	
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				**25.000**	**4.000**	**6.000**	**5.000**	**10.000**	**5.000**	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH